



BẢN TIN
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ &
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
Phát hành định kỳ hàng tháng

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Số 2, Ngách 26/15 Đường Huy Du, Phường Cầu
Diễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 024 35568636 * Website : acacvn.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 16, Lô VP-05, Khu đô thị Việt Phát, Phường Vĩnh Niệm,
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
ĐT: 0225 3736866 * Email : acacvn@acacvn.com



Mã QR



Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	3-5
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	6
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)	0
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	7
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	8-11
CÁC VĂN BẢN KHÁC	12

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Chính sách thuế GTGT

Theo Công văn số 2724/TCT-CS ngày 3/7/2023 về thuế GTGT Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

(1) Về việc hoàn thuế GTGT xuất khẩu đối với sản phẩm từ đá:

Căn cứ quy định của pháp luật thuế GTGT, ngày 11/03/2021, Tổng cục Thuế đã có công văn số 616/TCT-CS trả lời Cục Thuế tỉnh Bình Định.

(2) Về việc kế thừa nội dung kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước: Tại Nghị định 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/2/2018 của Bộ Tài chính đã có hướng dẫn về việc xác định tỷ lệ giá trị tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm xuất khẩu Trích công văn số 616/TCT-CS ngày 11/3/2021 nêu trên

- Tại khoản 1 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật quản lý thuế quy định như sau: “Điều 1. Sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi bổ sung một số Điều theo Luật số 31/2013/QH13:

23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên.”

- Tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 01/02/2018, sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016) quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu. Trường hợp năm đầu tiên xuất khẩu sản phẩm thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo phương án đầu tư và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu; trường hợp không có phương án đầu tư thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo thực tế của sản phẩm xuất khẩu. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn cụ thể việc xác định tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa được chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản này.”

- Tại Điều 1 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đối tượng không chịu thuế GTGT và các xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm như sau:

“23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.

Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu. Trường hợp năm đầu tiên xuất khẩu sản phẩm thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo phương án đầu tư và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu; trường hợp không có phương án đầu tư thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo thực tế của sản phẩm xuất khẩu.

c) Trường hợp doanh nghiệp không xuất khẩu mà bán cho doanh nghiệp khác để xuất khẩu thì doanh nghiệp mua hàng hóa này để xuất khẩu phải thực hiện kê khai thuế GTGT như sản phẩm cùng loại do doanh nghiệp sản xuất trực tiếp xuất khẩu.

d) Cục Thuế các tỉnh, thành phố phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan để hướng dẫn các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh xuất khẩu sản phẩm từ tài nguyên, khoáng sản căn cứ đặc tính sản phẩm và quy trình sản xuất sản phẩm để xác định sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã chế biến hoặc chưa chế biến thành sản phẩm khác để thực hiện kê khai theo quy định.

Đối với trường hợp doanh nghiệp kê khai sản phẩm đã chế biến thành sản phẩm khác mà quy trình sản xuất sản phẩm chưa đủ cơ sở xác định là sản phẩm khác thì Cục Thuế có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Thuế để phối hợp với các Bộ, Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành căn cứ vào quy trình sản xuất sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp để xác định sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản chưa 2 chế biến thành sản phẩm khác hay đã chế biến thành sản phẩm khác theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ các quy định, hướng dẫn nêu trên, Cục Thuế tỉnh Bình Định phối hợp với các Cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp sản xuất trực tiếp sản phẩm từ tài nguyên, khoáng sản để hướng dẫn doanh nghiệp mua các sản phẩm nêu trên để xuất khẩu thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng theo quy định pháp luật.

Đối với các hợp đồng mua bán trong thời gian tới của doanh nghiệp, Cục Thuế hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp thỏa thuận với bên bán về việc chứng minh tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm để phục vụ việc hoàn thuế của doanh nghiệp.

Chính sách thuế GTGT

Theo Công văn số 2895/TCT-CS ngày 12/7/2023 về thuế GTGT,

Căn cứ Điều 54 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai quy định về đất để thực hiện dự án xây dựng — chuyển giao (BT) và dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT);

Căn cứ khoản 3 Điều 3 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ quy định hợp đồng Xây dựng- Kinh doanh- Chuyển giao (BOT);

Căn cứ khoản 5 Điều 1 Thông tư số 147/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định hướng dẫn về xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định trong một số trường hợp đặc biệt

Trường hợp Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng và 09 km đoạn trên địa bàn tỉnh Thái Bình do Công ty TNHH Đầu tư đường ven biển Hải Phòng (doanh nghiệp dự án) thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP) (theo hợp đồng BOT), đang trong giai đoạn đầu tư, phát sinh thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư từ năm 2018 thì đề nghị Cục Thuế căn cứ các quy định pháp luật về thuế GTGT từng thời kỳ, pháp luật có liên quan và tình hình 3 thực tế để xác định dự án đầu tư thuộc hay không thuộc dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định để xem xét xử lý theo quy định.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

Ưu đãi thuế đối dự án ứng dụng công nghệ cao

Theo Công văn số 2879/TCT-CS ngày 12/7/2023 về ưu đãi thuế đối dự án ứng dụng công nghệ cao, trường hợp doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi thuế TNDN hoặc đã hưởng hết ưu đãi về thuế TNDN theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN, được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao thì ưu đãi về thuế TNDN của doanh nghiệp được xác định bằng mức ưu đãi áp dụng cho dự án ứng dụng công nghệ cao quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành trừ đi thời gian Công ty đã hoặc 2 đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN trước đó (cả về thuế suất và thời gian miễn, giảm nếu có).

Thời gian bắt đầu tính ưu đãi đối với dự án ứng dụng công nghệ cao (về thuế suất và thời gian miễn giảm thuế) thực hiện theo quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp được hưởng nhiều mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.

Chính sách thuế

Theo Công văn số 2880/TCT-CS ngày 12/7/2023 về chính sách thuế

(1) Về thuế giá trị gia tăng, mức thuế suất GTGT 5% chỉ áp dụng đối với bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội là do Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và đáp ứng các tiêu chí về nhà ở, về giá bán nhà, về đối tượng, điều kiện mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.

(2) Về thuế thu nhập doanh nghiệp, chỉ thu nhập từ việc thực hiện dự án nhà ở xã hội đáp ứng các tiêu chí về nhà ở, về giá bán nhà, về đối tượng và điều kiện mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10%.

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Triển khai liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh

Theo Công văn số 2749/TCT-KK ngày 4/7/2023 triển khai liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT.

Tổng cục Thuế hướng dẫn triển khai thực hiện việc hộ kinh doanh đăng ký nội dung về đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với cơ quan đăng ký kinh doanh như sau:

(1) Phạm vi triển khai: Công văn này áp dụng đối với hộ kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP quy định về hộ kinh doanh. Hộ gia đình, hộ cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng tại khoản 1, Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP thực hiện đăng ký thuế tại cơ quan thuế theo quy định tại Thông tư số 105/2021/TT-BTC và Quy trình quản lý đăng ký thuế hiện hành.

(2) Thời gian thực hiện: Việc liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký Thuế đối với hộ kinh doanh được thực hiện từ ngày 01/7/2023 (Kể từ ngày Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT có hiệu lực thì hành)

(3) Kế hoạch triển khai và nâng cấp ứng dụng đáp ứng việc liên thông:

- Giai đoạn 1 (Thực hiện từ ngày 01/7/2023): Hệ thống TMS nâng cấp ứng dụng đáp ứng việc trao đổi thông tin đối với giao dịch đăng ký thành lập mới hộ kinh doanh, địa điểm kinh doanh của hộ kinh doanh.

- Giai đoạn 2 (Dự kiến thực hiện từ ngày 01/9/2023): Nâng cấp hệ thống TMS đáp ứng việc truyền nhận thông tin với các giao dịch còn lại. Tài liệu gửi kèm theo công văn bao gồm:

- Phụ lục 1: Giới thiệu các điểm mới quy định về liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh.

- Phụ lục 2: Hướng dẫn xử lý các giao dịch đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh.

- Phụ lục 3: Hướng dẫn sử dụng chức năng đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh trên ứng dụng TMS.

VẤN ĐỀ KHÁC

Xử lý miễn tiền thuê đất đối với các dự án chậm tiến độ

Theo **Công văn số 2779/TCT-CS ngày 6/7/2023** xử lý miễn tiền thuê đất đối với các dự án chậm tiến độ. Dự án được miễn, giảm tiền thuê đất nếu đáp ứng quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP.

Trường hợp dự án không đáp ứng điều kiện về miễn, giảm tiền thuê đất có nguyên nhân từ phía người sử dụng đất thì phải thực hiện hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất đã được miễn, giảm theo quy định tại khoản 7 Điều 18 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước).

Trường hợp được gia hạn thời gian sử dụng thì phải nộp thêm khoản tiền tương ứng với mức tiền thuê đất phải nộp cho thời gian chậm tiến độ được tính theo số tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP.

Miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa

Theo **Công văn số 2786/TCT-CS ngày 6/7/2023** về việc miễn tiền thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Trường hợp Dự án Khu phức hợp giáo dục quốc tế Singapore là Dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa nhưng không thuộc đối tượng điều chỉnh và điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 05/8/2008 và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2016 của Chính phủ (Dự án đầu tư nước ngoài không có Quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ) thì không được hưởng các chính sách ưu đãi về miễn tiền thuê đất theo chính sách khuyến khích xã hội hóa được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP nêu trên.

Trường hợp Dự án Khu phức hợp giáo dục quốc tế Singapore là Dự án đầu tư được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư và là dự án đầu tư gắn với việc cho thuê đất mới không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê thì được xem xét miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Miễn tiền thuê đất dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

Theo **Công văn số 2876/TCT-CS ngày 12/7/2023** về miễn tiền thuê đất dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

- Tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định:

“Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

“Sửa đổi Điều 21 như sau: ... Xác định số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định của pháp luật đầu tư để ghi vào Quyết định miễn, giảm tiền thuê đất

a) Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

- Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đã có giá đất tính thu tiền thuê đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật thì số tiền thuê đất được miễn, giảm xác định theo giá đất tính thu tiền thuê đất.

- Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa xác định được giá đất tính thu tiền thuê đất theo quy định thì số tiền thuê đất được miễn, giảm xác định theo giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

- Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được giảm 50% tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất hoặc cho một số năm thì số tiền được giảm ghi trên Quyết định giảm tiền thuê đất là số tiền xác định trong thời gian ổn định đơn giá thuê đất tại thời điểm ban hành Quyết định và được điều chỉnh tương ứng khi điều chỉnh đơn giá thuê đất theo quy định. ”

- Tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định:

“3. Người được Nhà nước cho thuê đất chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định. Trường hợp thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất nhưng người được Nhà nước cho thuê đất không làm thủ tục để được miễn, giảm tiền thuê đất thì phải nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp chậm làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất thì khoảng thời gian chậm làm thủ tục không được miễn, giảm tiền thuê đất”

- Tại Điều 59 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế quy định:

“ Điều 59. Thủ tục hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Thông tư này 1. Hồ sơ miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản, bao gồm: a) Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này;...

2. Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định pháp luật về đầu tư, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này; ”

Người được Nhà nước cho thuê đất chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định Điều 59 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính và mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo Thông tư số Văn bản kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa xác định được giá đất tính thu tiền thuê đất theo quy định thì số tiền thuê đất được miễn, giảm xác định theo giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Cục thuế tỉnh căn cứ quy định pháp luật đất đai và hồ sơ cụ thể để phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng có liên quan tổng hợp, rà soát lại việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, đất, thời điểm ký Hợp đồng cho thuê đất, xác định rõ căn cứ tính tiền thuê đất đối với Công ty A để xem xét, xác định nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất, xử lý việc miễn tiền thuê đất đối với dự án đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Quy trình kiểm tra thuế

Ngày 14/7/2023, Tổng cục Thuế đã ban hành **Quyết định số 970/QĐ-TCT** về Quy trình kiểm tra thuế, trong đó có quy định trình tự kiểm tra hồ sơ thuế theo Ứng dụng hỗ trợ kiểm tra toàn bộ.

Trình tự kiểm tra, lựa chọn người nộp thuế rủi ro cao bằng ứng dụng hỗ trợ kiểm tra toàn bộ cho một loại hồ sơ thuế (Ứng dụng kiểm tra hồ sơ thuế giá trị gia tăng tại trụ sở quan thuế và các ứng dụng hỗ trợ kiểm tra khác).

Bước 1: Kiểm tra hồ sơ thuế:

- Chậm nhất là 25 ngày sau ngày kết thúc hạn nộp hồ sơ thuế, công chức thuế được giao nhiệm vụ kiểm tra thuế sử dụng phần mềm ứng dụng kiểm tra để kiểm tra, lập danh sách người nộp thuế có rủi ro cao.

- Kết thúc kiểm tra mỗi hồ sơ thuế, công chức thuế được giao nhiệm vụ kiểm tra thuế phải in nhận xét hồ sơ thuế theo mẫu số 02/QTKT kèm theo Quy trình này đối với hồ sơ thuế rủi ro cao.

Trên cơ sở hồ sơ thuế rủi ro cao, công chức thuế được giao nhiệm vụ kiểm tra thuế đối chiếu, so sánh với chính sách thuế, hồ sơ liên quan, thực tế quản lý, ... xét thấy không rủi ro hoặc rủi ro không cao thì ghi nhận xét, báo cáo Lãnh đạo bộ phận kiểm tra thuế lưu hồ sơ và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra của mình.

Bước 2: Xử lý kết quả kiểm tra, xác định trường hợp ra thông báo (lần 1):

- Đối với các hồ sơ thuế có tổng điểm rủi ro cao thực hiện Lập danh sách trên ứng dụng để kiểm tra hồ sơ thuế tại trụ sở cơ quan thuế.

- Danh sách người nộp thuế kiểm tra hồ sơ thuế tại trụ sở cơ quan thuế tại điểm này không phụ thuộc danh sách người nộp thuế kiểm tra hồ sơ thuế tại trụ sở cơ quan thuế tại điểm a khoản 1.2 Mục II Phần II Quy trình. Tuy nhiên, cần kết hợp với kế hoạch thanh tra, kế hoạch kiểm tra và danh sách kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế tại các ứng dụng khác để thực hiện, đảm bảo tránh trùng lặp trong kiểm tra. Thứ tự ưu tiên thực hiện khi có trùng lặp:

+ Danh sách thuộc kế hoạch thanh tra, kế hoạch kiểm tra, chuyên đề thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

+ Danh sách kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế tại điểm a khoản 1.3 Mục II Phần II Quy trình.

+ Danh sách kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế tại điểm b khoản 1.3 Mục II Phần II Quy trình.

- Danh sách người nộp thuế kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế phải được Lãnh đạo bộ phận kiểm tra thuế trình Thủ trưởng cơ quan thuế ký duyệt theo mẫu số 01/QTKT cùng Quyết

định giao nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ thuế tại trụ sở cơ quan thuế cho từng Tổ kiểm tra thuế (mẫu số 03/QTKT ban hành kèm theo quy trình này).

- Trên cơ sở Quyết định giao nhiệm vụ kiểm tra, Tổ kiểm tra thuế báo cáo Lãnh đạo bộ phận kiểm tra thuế trình Thủ trưởng cơ quan thuế ra thông báo (lần 1) theo mẫu 01/KTT ban hành kèm theo Thông tư 80/2021/TT-BTC yêu cầu người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin tài liệu đối với các nội dung rủi ro phát hiện qua kiểm tra hồ sơ thuế.

Quyết định 970/QĐ-TCT có hiệu lực từ ngày 14/7/2023.

VĂN BẢN KHÁC

- ❖ Theo Công văn số 8999/CTTPHCM-TTHT ngày 19/07/2023 của Cục thuế TP HCM về việc hóa đơn điện tử
- ❖ Theo Công văn số 7453/BTC-CST ngày 19/07/2023 của BTC về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 36/2023/TT-BTC
- ❖ Theo Công văn số 51359/CTHN-TTHT ngày 17/07/2023 của Cục thuế HN về việc sử dụng hóa đơn điện tử trong khu chế xuất khi thanh lý tài sản
- ❖ Theo Công văn số 49223/CTHN-TTHT ngày 10/07/2023 của Cục thuế HN về việc khai thuế thông qua phương tiện điện tử